TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 3 năm 2026
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Ban và bà Lê Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Tòa án, Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Yến-Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 165/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2026/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Thành Q, sinh năm 1990-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn L, xã H, tỉnh H.

Bị đơn: Chị Đặng Thị M, sinh năm 1982-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh H.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Trần Thị C, sinh năm 1956-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh H.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bầy:

Anh Lương Thành Q và chị Đặng Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh H cũ, nay là UBND xã H, tỉnh H vào ngày 24/12/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng kết hôn đã lâu mà không có con, cũng vì vậy nên vợ chồng bất đồng quan điểm, va chạm, lạnh nhạt với nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng ly thân nhau từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải cho hai vợ chồng nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Vì vậy anh Q cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức, ruộng cấy: Không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Q không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho chị M thông qua người thân trong gia đình, chính quyền địa phương nhưng chị M cố tình vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Bà Trần Thị C là mẹ đẻ chị M trình bầy: Chị M, anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên nay là xã H, tỉnh H ngày 24/12/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng đi chữa bệnh để có con nhưng không được nên từ tháng 5 năm 2025, chị M về ở cùng với bà. Chị M đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập Tòa án gửi cho chị M nhưng chị M bận nên không đến Tòa án làm việc. Chị M có quan điểm nhất trí ly hôn nhưng do bận làm ăn nên chị M không đến Tòa án được.

Về con chung: Chị M, anh Q chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị M không có tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Về công sức, ruộng cấy: Không có gì.

Công an xã Tiên Tiến, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Hiện tại chị Đặng Thị M đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, tỉnh H, hiện chị M vẫn đang có mặt tại địa phương và đang ở cùng mẹ đẻ của chị M là bà Trần Thị C.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Q.

Xử cho anh Q ly hôn chị M.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ, công sức, ruộng cấy: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị M nhiều lần để lấy lời khai, cung cấp chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị M vắng mặt. Chị M đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng chị M vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Thành Q và chị Đặng Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cũ, nay là UBND xã H, tỉnh H vào ngày 24/12/2022 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2025 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng đã kết hôn lâu mà không có con chung, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình đã hòa giải cho hai vợ chồng nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Chị M nhiều lần được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng vẫn cố tình vắng mặt cũng phần nào thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q, chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu vì vậy cần giải quyết cho anh Q ly hôn chị M để các bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Căn cứ lời trình bầy của anh Q, bà Chát thì vợ chông không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tài sản chung: Anh Q trình bầy vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về nợ chung: Anh Q trình bầy vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về công sức, ruộng cấy: Anh Q khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Chị M vắng mặt, chưa có quan điểm cụ thể về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, nợ, công sức, ruộng cấy nên nếu sau này chị M có đơn yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chồng, công sức, ruộng cấy thì có quyền yêu cầu bằng vụ việc khác.

[7]. Về án phí: Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lương Thành Q ly hôn chị Đặng Thị M.

Về con chung: Anh Q, chị M không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Anh Q trình bầy vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Anh Q trình bầy vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về công sức, ruộng cấy: Anh Q khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Chị M vắng mặt, chưa có quan điểm về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, nợ, công sức, ruộng cấy nên nếu sau này chị M có yêu cầu về những vấn đề nêu trên, thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001972 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh Q đã nộp đủ án phí ly hôn.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn: UBND xã H, tỉnh H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tuấn